

Số: 91/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2025

THÔNG TƯ
Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công);

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính và Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Phát triển hạ tầng;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hệ thống mẫu biểu và việc sử dụng mẫu biểu trong công tác quyết toán cho các nhiệm vụ, dự án theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công gồm:

1. Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ).

2. Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, thực hiện hoặc có liên quan đến công tác quyết toán theo niên độ, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

Điều 3. Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán theo niên độ

1. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách của bộ, cơ quan trung ương và chủ đầu tư: Mẫu số 01/QTND.

2. Báo cáo về việc thực hiện vốn đầu tư các dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ngân sách nhà nước (do Quốc hội quyết định) của cơ quan báo cáo và chủ đầu tư: Mẫu số 02/QTND.

3. Báo cáo chi tiết quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương theo năm ngân sách của cơ quan thanh toán: Mẫu số 03/QTND.

4. Mẫu thông báo xét duyệt quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách của cơ quan cấp trên của chủ đầu tư: Mẫu số 04/QTND.

5. Mẫu văn bản kiểm tra quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách của cơ quan tài chính: Mẫu số 05/QTND.

Điều 4. Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

Thông tin, số liệu được lấy tại ngày chủ đầu tư khóa sổ lập báo cáo quyết toán hoặc thời điểm ngày có hiệu lực của văn bản cho phép dừng thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

1. Báo cáo tổng hợp quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: Mẫu số 01/QTDA.

2. Danh mục văn bản: Mẫu số 02/QTDA.

3. Bảng đối chiếu số liệu: Mẫu số 03/QTDA.

4. Chi tiết chi phí đầu tư đề nghị quyết toán: Mẫu số 04/QTDA.

5. Chi tiết tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án: Mẫu số 05/QTDA.

6. Chi tiết giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng: Mẫu số 06/QTDA.

7. Tình hình công nợ của dự án: Mẫu số 07/QTDA.

8. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (dùng cho dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, dự án dừng thực hiện chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị): Mẫu số 08/QTDA.

9. Báo cáo kết quả phê duyệt tổng quyết toán vốn đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A hoàn thành: Mẫu số 09/QTDA.

10. Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình độc lập) hoàn thành: Mẫu số 10/QTDA.

11. Báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành hằng năm: Mẫu số 11/QTDA (bao gồm cả phần lời và Mẫu biểu).

12. Phiếu giao nhận Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: Mẫu số 12/QTDA.

Điều 5. Sử dụng mẫu biểu

1. Đối với quyết toán theo niên độ:

a) Mẫu số 01/QTND (dùng cho chủ đầu tư và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư). Chủ đầu tư có đối chiếu, xác nhận số liệu quyết toán theo niên độ với cơ quan thanh toán nơi giao dịch, tổng hợp báo cáo gửi cơ quan cấp trên của chủ đầu tư. Bộ, cơ quan trung ương có đối chiếu xác nhận số liệu quyết toán với cơ quan thanh toán cấp trung ương, tổng hợp báo cáo gửi Bộ Tài chính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ.

b) Mẫu số 02/QTND (dùng cho chủ đầu tư và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư). Chủ đầu tư gửi bộ, cơ quan trung ương, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý), sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã theo phân cấp quản lý theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ. Bộ, cơ quan trung ương hoặc cơ quan cấp trên của chủ đầu tư tổng hợp báo cáo gửi Bộ Tài chính.

c) Mẫu số 03/QTND: Cơ quan thanh toán báo cáo chi tiết quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương theo năm ngân sách. Cơ quan thanh toán nơi giao dịch tổng hợp báo cáo gửi cơ quan thanh toán khu vực. Cơ quan thanh toán khu vực tổng hợp báo cáo gửi cơ quan thanh toán cấp trung ương. Cơ quan thanh toán cấp trung ương tổng hợp báo cáo theo Mẫu số 03/QTND gửi Bộ Tài chính để làm căn cứ kiểm tra quyết toán theo niên độ theo quy định tại Điều 28, Điều 29 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ.

Thời hạn gửi báo cáo của cơ quan thanh toán các cấp theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ.

d) Các bộ, cơ quan trung ương, sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân các cấp theo phân cấp quản lý, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý) xét duyệt và ra thông báo theo Mẫu số 04/QTND (bao gồm cả phần lời và Mẫu biểu) báo cáo quyết toán theo niên độ của đơn vị dự toán cấp dưới theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 29 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ.

g) Cơ quan tài chính thực hiện kiểm tra báo cáo quyết toán của các đơn vị theo Mẫu số 05/QTND theo quy định tại Điều 28, khoản 2 Điều 29 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ.

h) Các bộ, cơ quan trung ương; Cơ quan thanh toán cấp trung ương gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách về Bộ Tài chính theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ và Thông tư này.

i) Các Sở Tài chính gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách về Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

k) Cơ quan thanh toán các cấp tổng hợp báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách của địa phương gửi Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

2. Đối với quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

a) Đối với dự án (dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập) hoàn thành, dự án dừng thực hiện có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ: báo cáo theo Mẫu số 01/QTDA, Mẫu số 02/QTDA, Mẫu số 03/QTDA, Mẫu số 04/QTDA, Mẫu số 05/QTDA, Mẫu số 06/QTDA, Mẫu số 07/QTDA.

b) Đối với dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ: báo cáo theo Mẫu số 03/QTDA, Mẫu số 07/QTDA, Mẫu số 08/QTDA.

c) Báo cáo kết quả phê duyệt tổng quyết toán vốn đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A hoàn thành theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ: theo Mẫu số 09/QTDA.

d) Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án (dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình độc lập) hoàn thành theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ: theo Mẫu số 10/QTDA.

đ) Báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành hằng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ: Mẫu số 11/QTDA.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

2. Bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

a) Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

b) Thông tư số 63/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

3. Các quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán niên độ quy định tại Thông tư này được thực hiện từ quyết toán niên độ ngân sách năm 2025.

4. Dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập sử dụng vốn đầu tư công đã nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành về cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì không phải lập lại mẫu biểu báo cáo quyết toán theo quy định tại Thông tư này.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

6. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. 

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc, và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Kho bạc Nhà nước các khu vực;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ PHTT (120b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Thành Trung

(Kèm theo văn bản số: ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

[illegible]

STT	Nội dung	Đưa điểm nợ tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lịch kế vốn đã giải ngân và chờ công đối hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp đưa chính giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khoản lượng hoàn trả trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khối công đoàn hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được báo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán				Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán				Số vốn nộp điều chỉnh giảm hoàn trả NSNN trong năm quyết toán đã thực hiện kết luận của cơ quan thanh tra, KTNN... (không bao gồm số vốn đã nộp giảm từ tại cột 8)	Tổng số vốn đã thanh toán khoản lượng hoàn trả trong năm quyết toán trong năm	Lịch kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lịch kế số vốn đã giải ngân từ khối công đối hết năm quyết toán			
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi (1)			Vốn kế hoạch được báo dài	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân tùy báo (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân						Vốn kế hoạch được pháp kế dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa phân bổ, chưa giải ngân sang năm quyết toán (nếu có)	
										Tổng số	Thanh toán khoản lượng hoàn trả	Vốn tạm ứng			Tổng số	Thanh toán khoản lượng hoàn trả							Vốn tạm ứng
1	Kế hoạch vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực chưa phân bổ (nếu có):																						
2	Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia chưa phân bổ (nếu có):																						
V	Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)																						
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																						
	Dự án																						
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																						
A.2	Các dự án không được ghi kế hoạch năm 20... còn dự vốn tạm ứng chưa thu hồi từ các năm trước chuyển sang năm 20...:																						
1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực:																						
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
	Dự án																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																						
II	Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
1	Chương trình mục tiêu quốc gia..																						
	Dự án																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
2	Chương trình mục tiêu quốc gia..																						

Ghi chú: (1) Mẫu biểu này dùng chung cho bộ, cơ quan trung ương và chi đầu tư.

(2) Cơ quan báo cáo ngành, lĩnh vực theo đúng thủ tục quy định của pháp luật về NSNN.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THANH TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

... ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO/CHỦ ĐẦU TƯ

Mẫu số 02/QTNĐ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC
ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(DO QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH)
NĂM...

(Kèm theo công văn số: ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

Đơn vị: đồng

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt (lấy theo giá trị điều chỉnh cuối cùng)	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết ngày 31/12 năm quyết toán	Lũy kế kế hoạch đã bố trí đến hết ngày 31/12 năm quyết toán	Kế hoạch năm ...	Vốn đã giải ngân theo kế hoạch năm...			So sánh thực hiện/kế hoạch (%)
							Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11=8/7
	TỔNG SỐ									
1	Dự án...									
2	Dự án...									

Ghi chú: Mẫu biểu này dùng chung cho Cơ quan báo cáo cấp trên của chủ đầu tư và chủ đầu tư.

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BÁO CÁO CHI TIẾT QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG THEO NĂM NGÂN SÁCH...

(Kèm theo công văn số: ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

Đen và tím: Đồng

Số TT	Nội dung	Mã chương của đơn vị	Mã dự án	Lấy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giám trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán	Phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được tạo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán					Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán					Số vốn nộp điều chỉnh giám hoàn trả NSNN trong năm quyết toán do thực hiện kế hoạch của cơ quan thanh tra, KTNN. (không bao gồm số vốn đã nộp giám tra tại cột R)	Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm ..	Lấy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lấy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán	
				Tổng số	Trong đó vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi				Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân		Vốn kế hoạch tiếp tục được phân bổ dài hạn thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hay bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân		Vốn kế hoạch được phân bổ dài hạn thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa phân bổ, chưa giải ngân hay bỏ (nếu có)					
										Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành				Vốn tạm ứng	Tổng số							Thanh toán khối lượng hoàn thành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14=15-16-17	15	16=17+18	17	18	19	20=15-16-17	21	22=23+24+25+26+27	23=24-25+26+27+28	24=25-26+27+28+29+30+31
	TỔNG SỐ																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																						
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																						
A	Vốn ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
B	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
C	Kế hoạch vốn chưa phân bổ hủy bỏ (nếu có)																						
1	Kế hoạch vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực chưa phân bổ (nếu có):																						
2	Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia chưa phân bổ (nếu có):																						
D	Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)																						
	BỘ, CƠ QUAN TRƯNG ƯƠNG ...																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																						
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																						
a	Vốn ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực																						
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						

Số TT	Nội dung	Mã chương riêng đơn vị	Mã dự án	Lấy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp đầu chỉnh giam trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán					Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Số vốn nộp đầu chính giám hoàn mã NSNN trong năm quyết toán do thực hiện kết luận của cơ quan thanh tra, KTNN... (không bao gồm số vốn đã nộp giảm trừ tại chỗ R)	Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm ...	Lấy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lấy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán	
				Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Số vốn của lãi chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch sản quyết toán	Giải ngân			Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa phần bổ, chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)					
									Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Vốn kế hoạch sản quyết toán	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành							Vốn tạm ứng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14=9- 10-13	15	16=17+18	17	18	19	20=15-26- 19	21	22=6+ 11+17	23=6- 7-8- 12+18	24=5- 7+10 +16-21
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
	Dự án:																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trung địa:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
	Dự án:																						
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)																						
b	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trung địa:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
1	Chương trình mục tiêu quốc gia:																						
	Dự án:																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trung địa:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
2	Chương trình mục tiêu quốc gia:																						
c	Kế hoạch vốn chưa phân bổ hủy bỏ (nếu có)																						
1	Kế hoạch vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực chưa phân bổ (nếu có):																						
2	Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia chưa phân bổ (nếu có):																						
4	Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)																						
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)																						
	Dự án:																						
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)																						
	BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ...																						

Ghi chú: (1) Mẫu này dùng chung cho Cơ quan thanh toán các cấp.

(2) Cơ quan thanh toán báo cáo ngành, lĩnh vực theo đúng thứ tự quy định của pháp luật về NSNN.

..., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 04/QTND

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày
26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CƠ QUAN XÉT DUYỆT**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TB-

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

**Xét duyệt quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước
theo năm ngân sách ... của ...**

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm ... của... (tên cơ quan, đơn vị được xét duyệt quyết toán);

Sau khi xét duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách ... của ..., (Cơ quan xét duyệt) thông báo như sau:

1. Nhận xét chung:

Nhận xét về việc chấp hành thời gian, nội dung, biểu mẫu báo cáo.

2. Về nội dung cụ thể:

a) Xét duyệt sự phù hợp về nguồn vốn, cơ cấu vốn, ngành, lĩnh vực của từng chương trình, nhiệm vụ, dự án; sự đầy đủ và đúng của danh mục, kế hoạch của từng nhiệm vụ, dự án (bao gồm: Kế hoạch được giao trong năm quyết toán; kế hoạch các năm trước được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán; các dự án không có kế hoạch thuộc năm quyết toán nhưng còn dư vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ những năm trước chuyển sang năm quyết toán).

b) Xét duyệt, so sánh số vốn kế hoạch, số vốn đã giải ngân (chi tiết thanh toán khối lượng hoàn thành và tạm ứng theo chế độ) với số vốn kế hoạch và số đã giải ngân của từng nhiệm vụ, dự án giữa báo cáo quyết toán của cơ quan báo cáo với báo xác nhận thanh toán của cơ quan thanh toán; xác định số vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau hoặc hủy bỏ (nếu có).

c) Yêu cầu chủ đầu tư nộp ngay các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư chi sai chế độ.

- d) Xác định số vốn được quyết toán trong năm ngân sách.
- e) Tình hình chấp hành chế độ chính sách, các nội dung, nhận xét khác (nếu có).

(Số liệu chi tiết theo biểu đính kèm)

3. Kiến nghị: ...

Nơi nhận:

- Cơ quan....;
- Các đơn vị liên quan (nếu có);
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Date of Birth: _____

[illegible]

	Nội dung	Văn bản quy định chế độ chi trả tiền lương, tiền công, tiền thưởng, tiền trợ cấp, tiền bảo hiểm, tiền khác...				Giải ngân vốn kế hoạch các năm trước chuyển sang năm...					Kế hoạch năm...	Giải ngân vốn kế hoạch năm...					Số vốn cấp đầu chính gồm hoàn trả NSNN trong năm quyết toán do thực hiện kế hoạch của cơ quan thành lập, KTNN... (không bao gồm số vốn đã cấp giảm trừ tại Việt Nam)	Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng được quyết toán trong năm...	Lấy số vốn của ngân sách theo chế độ chi trả để chuyển trả lại ngân sách năm sau...	Tổng số vốn kế hoạch cấp trả được sau đại thời gian thực hiện và giải ngân trong năm sau...	Tổng số vốn kế hoạch của lại chưa giải ngân hết (kỳ dự toán)					
		Tổng số	Trong đó:		Kế hoạch các năm trước chuyển sang năm...	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Văn bản quy định	Văn bản quy định cấp trả được sau đại thời gian thực hiện và giải ngân trong năm sau	Văn bản quy định cấp trả		Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Văn bản quy định	Văn bản quy định cấp trả được sau đại thời gian thực hiện và giải ngân trong năm sau	Số vốn của lại chưa phân bổ, chưa giải ngân hết										
			Kế hoạch cấp trả được sau đại thời gian thực hiện và giải ngân trong năm...	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm...												Kế hoạch cấp trả được sau đại thời gian thực hiện và giải ngân trong năm...						Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm...	Kế hoạch cấp trả được sau đại thời gian thực hiện và giải ngân trong năm...	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm...	Kế hoạch cấp trả được sau đại thời gian thực hiện và giải ngân trong năm...	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm...
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22					
	Dự án...																									
	Vốn trong nước																									
	Vốn nước ngoài, trong đó:																									
	Vốn nước ngoài, giải ngân theo cơ chế ghi thu - ghi chi																									
	Vốn nước ngoài, giải ngân theo cơ chế chi chính trong nước																									
2	Ngành, lĩnh vực... (tổng ngành, lĩnh vực)																									
IV	Kế hoạch vốn chưa phân bổ lại (nếu có)																									
1	Kế hoạch vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực chưa phân bổ (nếu có)																									
2	Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia chưa phân bổ (nếu có)																									

... ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 05/QTND

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày
26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CƠ QUAN TÀI CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v kiểm tra báo cáo quyết toán vốn
đầu tư công nguồn ngân sách nhà
nước theo năm ngân sách...của....

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán; Căn cứ báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm ... của... (tên cơ quan, đơn vị được kiểm tra quyết toán); sau khi kiểm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách ... của; (Cơ quan kiểm tra) có ý kiến như sau:

1. Nhận xét về việc chấp hành chấp hành chế độ chính sách, thời gian, nội dung, mẫu biểu báo cáo.
2. Kiểm tra về tính đầy đủ, khớp đúng giữa các số liệu báo cáo quyết toán với xác nhận, báo cáo quyết toán của Kho bạc Nhà nước.
3. Các nhận xét khác (nếu có).
4. Đề xuất và kiến nghị: ...

Nơi nhận:

- Cơ quan....;
- Các đơn vị liên quan (nếu có);
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 01/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC
ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../BC-THQTDA

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO**Tổng hợp quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành**

- Tên dự án: ...; Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối: ... đồng.

- Tên dự án thành phần, tiểu dự án độc lập (nếu có): ...; Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối: ... đồng.

- Tên công trình, hạng mục công trình độc lập (nếu có): ...; Giá trị dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối ... đồng.

- Chủ đầu tư: ...

I. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Vốn kế hoạch được giao	Vốn đã giải ngân
	Tổng cộng			
1	Vốn đầu tư công			
1.1	Vốn ngân sách nhà nước			
	- Vốn ngân sách trung ương (ghi chi tiết vốn) + Vốn ... + Vốn ... - Vốn ngân sách địa phương (ghi chi tiết vốn) + Vốn ... + Vốn ...			
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp khác			
2	Vốn khác (nếu có):			
2.1	Vốn ...			
2.2	Vốn ...			

II. Chi phí đầu tư:

Số TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Đơn vị: đồng
				Giá trị đề nghị quyết toán tăng (+), giảm (-) so với tổng mức đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối
1	2	3	4	5 = 4-3
	Tổng số			
1	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư			
2	Xây dựng			
3	Thiết bị			
4	Quản lý dự án			
5	Tư vấn			
6	Chi phí khác			
7	Dự phòng			

III. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:đồng;
trong đó:

1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:đồng.
2. Chi phí không tạo nên tài sản:đồng.

IV. Giá trị tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án:
.....đồng

1. Giá trị thực tế:đồng.
2. Giá trị quy đổi (nếu có): :đồng.

V. Thuyết minh báo cáo quyết toán:

1. Tình hình thực hiện dự án:
 - Thuận lợi, khó khăn:
 - Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được phê duyệt:
 - + Quy mô, kết cấu công trình, hình thức quản lý dự án, thay đổi chủ đầu tư, đấu thầu, vốn đầu tư, tổng mức đầu tư.
 - + Thiết kế kỹ thuật, dự toán được phê duyệt.
 - + Các nội dung chi phí đã thực hiện.
 - + Thay đổi khác (nếu có).
2. Nhận xét, đánh giá thực hiện dự án:
 - Chấp hành trình tự thủ tục quản lý dự án theo quy định tại pháp luật ngân sách nhà nước, đầu tư công, xây dựng, đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến thực hiện dự án.
 - Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư.
3. Kiến nghị để giải quyết các vướng mắc, tồn tại của dự án (nếu có):

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC
ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VĂN BẢN

Số TT	Tên văn bản	Số, ngày, tháng, năm ban hành	Cơ quan ban hành	Ghi chú
I	Các văn bản pháp lý			
1	...			
2	...			
3	...			
...	...			
II	Hợp đồng, phụ lục hợp đồng (nếu có), hợp đồng bổ sung (nếu có)			
1	...			
2	...			
3	...			
...	...			
III	Kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước, kiểm tra, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật (Trường hợp không có thì phải ghi cụ thể là "không có")			
1	...			
2	...			
3	...			
...	...			

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Trường hợp dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thực hiện theo cơ chế đặc thù (như: Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án khẩn cấp, dự án đặc biệt...) thì văn bản pháp lý và hồ sơ tài liệu liên quan được ghi theo các quy định cơ chế đặc thù được cấp có thẩm quyền ban hành.

Mẫu số 03/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC
ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU

Tên dự án: ...

Mã dự án: ...

Tên công trình, hạng mục công trình độc lập: ... (trường hợp quyết toán công trình, hạng mục công trình độc lập).

Chủ đầu tư: ...

Cơ quan thanh toán: ...

I. Tình hình giải ngân:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu của chủ đầu tư				Số liệu của cơ quan thanh toán				Chênh lệch	Ghi chú
		Vốn kế hoạch	Số vốn đã giải ngân			Vốn kế hoạch	Số vốn đã giải ngân				
			Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Tạm ứng		Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Tạm ứng		
1	2	3	4=5+6	5	6	7	8=9+10	9	10	11=8-4	12
1	Lũy kế từ khởi công										
	- Vốn....										
	- Vốn....										
2	Chi tiết theo năm										
2.1	Năm ...										
	- Vốn....										
	- Vốn....										
2.2	Năm ...										
	- Vốn....										
	- Vốn....										

II. Nhận xét, giải thích nguyên nhân chênh lệch, kiến nghị của cơ quan thanh toán:

1. Nhận xét về việc chấp hành các quy định của nhà nước liên quan đến giải ngân, quyết toán: ...

2. Giải thích nguyên nhân chênh lệch số liệu (nếu có): ...

3. Kiến nghị: ...

Ngày ... tháng ... năm....

CHỦ ĐẦU TƯ

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THANH TOÁN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đối chiếu chi tiết vốn đã giải ngân đến ngày khóa sổ để lập báo cáo quyết toán của dự án. Trường hợp dự án có nhiều cơ quan thanh toán, chủ đầu tư có trách nhiệm đối chiếu số liệu với từng cơ quan để tổng hợp báo cáo quyết toán của dự án.

Mẫu số 04/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC
ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI TIẾT CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Tổng dự toán (dự toán công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Nguyên nhân tăng, giảm
1	2	3	4	5	6
	Tổng số				
I	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư				
1	...				
...					
II	Xây dựng				
1	...				
...					
III	Thiết bị				
1	...				
...					
IV	Quản lý dự án				
V	Tư vấn				
1	...				
...					
VI	Chi phí khác				
1	...				
...					
VII	Dự phòng				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ..., tháng ... năm ...
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Tại cột 6 chủ đầu tư căn cứ các quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, đấu thầu, thanh tra, kiểm toán và các quy định khác của pháp luật liên quan đến thực hiện dự án để ghi rõ nguyên nhân tăng, giảm của cột 5 so với cột 3, 4 (chủ đầu tư ghi trực tiếp vào mẫu biểu hoặc lập thành Phụ lục riêng để ghi nội dung này).

Mẫu số 05/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC
ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI TIẾT TÀI SẢN HÌNH THÀNH
LÀ KẾT QUẢ CỦA QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Số TT	Tên và ký hiệu tài sản; quy mô, công suất (riêng đối với thiết bị ghi rõ thêm chủng loại, xuất xứ, năm sản xuất)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Tổng nguyên giá (đồng)	Ngày đưa tài sản vào sử dụng	Loại vốn đầu tư hình thành tài sản	Đơn vị tiếp nhận sử dụng (nếu có)
1	...							
2	...							
...								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC
ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI TIẾT VẬT TƯ, VẬT LIỆU, THIẾT BỊ TỒN ĐỘNG

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị tiếp nhận hoặc xử lý theo quy định (nếu có)
I	Vật tư, vật liệu, thiết bị tồn động giao cho đơn vị tiếp nhận					
1						
2						
...						
II	Vật tư, vật liệu, thiết bị tồn động xử lý theo quy định					
1						
2						
...						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi cụ thể "không có" vào biểu.

Mẫu số 07/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC
ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÌNH HÌNH CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải thu	Phải trả	
1	2	3	4	5	6 = 5-4	7 = 4-5	8
1	Nguyễn Văn A						
2	Công ty B						
3							
Tổng cộng							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
- Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi cụ thể “không có” vào biểu.
- Xác định rõ khoản phải thu, phải trả cụ thể của từng cá nhân, tổ chức.
- Cột 3: Trường hợp không có hợp đồng thì ghi nội dung công việc; trường hợp có hợp đồng thì ghi số và ngày, tháng, năm của hợp đồng.

Mẫu số 08/QTĐA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC
ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../BC-THQTĐA

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO**Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành****Dự án: ...**

(Dùng cho dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, dự án dùng thực hiện chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị)

I. Văn bản pháp lý:

Số TT	Tên văn bản	Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tên cơ quan ban hành
I	Hồ sơ pháp lý		
1	Quyết định phê duyệt dự án, dự toán		
2	Chủ trương lập quy hoạch hoặc chuẩn bị đầu tư dự án		
3	Văn bản phê duyệt đề cương (đối với dự án quy hoạch)		
4	Văn bản phê duyệt dự toán chi phí		
5	Văn bản phê duyệt dự án quy hoạch hoặc dự án chuẩn bị đầu tư		
6	Văn bản cho phép dùng thực hiện		
7	Các văn bản khác có liên quan		
	...		
II	Hợp đồng, phụ lục hợp đồng (nếu có)		
1	...		
...	...		
III	Kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước, kiểm tra, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật (trường hợp không có thì phải ghi cụ thể là "không có")		
1	...		
...	...		

II. Thực hiện đầu tư

1. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Vốn kế hoạch được giao	Vốn đã giải ngân
	Tổng cộng			
1	Vốn đầu tư công			
1.1	Vốn ngân sách nhà nước			
	- Vốn ngân sách trung ương (ghi chi tiết vốn) + Vốn... + Vốn... - Vốn ngân sách địa phương			
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp khác			
2	Vốn khác (nếu có)			
2.1	Vốn...			
2.2	Vốn...			

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị đề nghị quyết toán tăng (+), giảm (-) so với tổng mức đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập), dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối
1	2	3	4	5 = 4-3
	Tổng số			
1	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư			
2	Xây dựng			
3	Thiết bị			
4	Quản lý dự án			
5	Tư vấn			
6	Chi phí khác			
7	Dự phòng			

3. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản:đồng; trong đó:

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:đồng

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản:đồng

4. Giá trị tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án:đồng

4.1. Giá trị thực tế:đồng.

4.2. Giá trị quy đổi (nếu có): :đồng.

5. Các nội dung khác: (nếu có).

III. Thuyết minh báo cáo quyết toán:

1. Tình hình thực hiện dự án:

- Thuận lợi, khó khăn:

- Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được phê duyệt:

+ Quy mô, kết cấu công trình, hình thức quản lý dự án, thay đổi chủ đầu tư, đấu thầu, vốn đầu tư, tổng mức đầu tư.

+ Thiết kế kỹ thuật, dự toán được phê duyệt.

+ Các nội dung chi phí đã thực hiện.

+ Thay đổi khác (nếu có).

2. Nhận xét, đánh giá thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý dự án theo quy định tại pháp luật Ngân sách nhà nước, Đầu tư công, Xây dựng, Đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến thực hiện dự án.

- Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư.

3. Kiến nghị đề giải quyết các vướng mắc, tồn tại của dự án (nếu có):

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Trường hợp dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thực hiện theo cơ chế đặc thù (như: Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án khẩn cấp, dự án đặc biệt...) thì văn bản pháp lý và hồ sơ tài liệu liên quan được ghi theo các quy định cơ chế đặc thù được cấp có thẩm quyền ban hành.

Mẫu số 09/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC
ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ĐƠN VỊ TỔNG HỢP BÁO CÁO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /BC-QTDA

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

**Kết quả phê duyệt tổng quyết toán vốn đầu tư
dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A hoàn thành**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Tên dự án: ...

Quyết định phê duyệt dự án: số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...

Quy mô công trình chính: ...

Thời gian khởi công - hoàn thành công trình chính: ... - ...

Tổng mức đầu tư được phê duyệt theo Quyết định số ... ngày ... tháng ...
năm ... của ... là: ...

Tổng mức đầu tư điều chỉnh theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...
của ... là: ...

Đơn vị tổng hợp báo cáo (bộ, cơ quan trung ương và địa phương giao quản
lý dự án thành phần chính hoặc làm đầu mối tổng hợp dự án): ...

Đơn vị phê duyệt quyết toán các dự án thành phần, tiêu dự án, gồm: ...

Kết quả phê duyệt quyết toán toàn bộ dự án:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án	Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị	Số vốn đã giải ngân	Quyết định phê duyệt quyết toán			Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Giá trị được phê duyệt	Người ký, chức vụ	
	Tổng số								
1	Dự án chính								
	- ...								
	- ...								
2	Dự án thành phần, tiêu dự án								
	- ...								
	- ...								
3	Dự án thành phần, tiêu dự án								
	- ...								
	- ...								

Nơi nhận:

(Ghi theo quy định tại khoản 1 Điều 31
Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày
26/9/2025 của Chính phủ)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ TỔNG HỢP BÁO CÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 10/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC
ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình độc lập) hoàn thành

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ: ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình độc lập) hoàn thành

- Tên dự án: ...
- Tên dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành (nếu có): ...
- Chủ đầu tư: ...
- Địa điểm xây dựng: ...
- Thời gian (ngày, tháng, năm) khởi công, hoàn thành (thực tế): ... - ...

Điều 2. Kết quả đầu tư**1. Chi phí đầu tư:**

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) hoặc chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt
	Tổng số		
1	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư		
2	Xây dựng		
3	Thiết bị		
4	Quản lý dự án		
5	Tư vấn		
6	Chi phí khác		
7	Dự phòng		

2. Vốn đầu tư:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính: đồng	
		Tổng mức đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4
	Tổng số		
1	Vốn đầu tư công		
1.1	Vốn Ngân sách nhà nước		
	- Vốn ngân sách trung ương (ghi chi tiết vốn) + Vốn ... + Vốn ... - Vốn ngân sách địa phương		
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp khác		
2	Vốn khác (nếu có)		
2.1	Vốn...		
2.2	Vốn...		

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:.....đồng; trong đó:

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:đồng.

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản:đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án:đồng.

4.1. Giá trị thực tế:đồng.

4.2. Giá trị quy đổi (nếu có): :đồng.

5. Giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tổn động (nếu có):đồng.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính: đồng	
		Số tiền	Ghi chú
	Tổng số		
1	Vốn đầu tư công		
1.1	Vốn Ngân sách nhà nước		
	- Vốn ngân sách trung ương (ghi chi tiết vốn) + Vốn ... + Vốn ... - Vốn ngân sách địa phương		
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp khác		
2	Vốn khác (nếu có)		
2.1	Vốn ...		
2.2	Vốn ...		

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày ... tháng ... năm ...:

- Tổng nợ phải thu: ... đồng.

- Tổng nợ phải trả: ... đồng.

Các khoản phải thu, phải trả của từng đơn vị, cá nhân được chi tiết tại phụ lục số ... kèm theo (nếu có).

2. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan (nếu có)

3. Các nghiệp vụ khác (nếu có).

Điều 4: Trách nhiệm thi hành

Nơi nhận:

(Ghi theo quy định tại
Khoản 3 Điều 44 Nghị định
số 254/2025/NĐ-CP ngày
26/9/2025 của Chính phủ)

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 11/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC
ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ĐƠN VỊ BÁO CÁO
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /...- BCQTDA

V/v báo cáo tình hình quyết toán
vốn đầu tư công dự án hoàn thành
năm ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán; ... (tên bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành năm ... như sau:

1. Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm báo cáo (chi tiết theo biểu đính kèm).¹
2. Tồn tại, vướng mắc trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành: ...
3. Đề xuất và kiến nghị về công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành: ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đơn vị liên quan (nếu có);
- Lưu ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Trường hợp trong năm không phát sinh các nội dung báo cáo thì đơn vị ghi rõ là "không có phát sinh" và không cần gửi kèm mẫu biểu.

TỔNG HỢP BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM ...
(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của...)

Đơn vị: tỷ đồng.

[illegible]

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị để nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị để nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị chủ đầu tư để nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị để nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương		Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương
1	2	3=4+12	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
B	Dự án hoàn thành ở địa phương theo phân cấp quản lý (1 +2)																	
1	Dự án do cấp tỉnh quản lý																	
a	Phê duyệt (gồm cả dự án đã trình, nhưng chưa được phê duyệt)																	
b	Thẩm tra																	
c	Chưa nộp hồ sơ quyết toán																	
2	Dự án do cấp xã quản lý																	
a	Phê duyệt (gồm cả dự án đã trình, nhưng chưa được phê duyệt)																	
b	Thẩm tra																	
c	Chưa nộp hồ sơ quyết toán																	

Ghi chú:

- Số liệu báo cáo của đơn vị được tổng hợp từ tất cả các **dự án đầu tư công** (gồm nhiệm vụ, dự án, dự án thành phần, tiểu dự án hoàn thành có quyết định phê duyệt riêng) hoàn thành do đơn vị mình quản lý. Không tổng hợp báo cáo công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành.

- Ở địa phương, báo cáo gồm tất cả các dự án đầu tư công hoàn thành thuộc thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh (gồm cả dự án nhận bán giao từ cấp huyện) và cấp xã (gồm cả dự án nhận bán giao từ cấp huyện). UBND cấp xã tổng hợp toàn bộ dự án đầu tư công hoàn thành do mình quản lý gửi cơ quan giao chủ trì tổng hợp báo cáo do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công.

- Cột 10 và cột 18: Chỉ báo cáo vốn đầu tư công còn lại chưa được bố trí.

- Các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm do đơn vị mình quản lý đến Bộ Tài chính.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC
ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HOÀN THÀNH NĂM ...

(Kèm theo văn bản số ...ngày...tháng...năm... của...)

Đơn vị: tỷ đồng

[illegible]

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án, nhóm dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn kế hoạch đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Vốn đã giải ngân		Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương			Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
B	Vi phạm quy định về thời gian quyết toán (I + II + III)												
I	Dự án đã được phê duyệt quyết toán												
1	Dự án...												
2	Dự án...												
3	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia												
3.1	Chương trình mục tiêu quốc gia....												
3.2	Chương trình mục tiêu quốc gia....												
3.3													
II	Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán												
1	Dự án...												
2	Dự án...												
3	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia												
3.1	Chương trình mục tiêu quốc gia....												
3.2	Chương trình mục tiêu quốc gia....												
3.3													
III	Dự án đã hoàn thành, chưa nộp hồ sơ quyết toán												
1	Dự án...												
2	Dự án...												
3	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia												
3.1	Chương trình mục tiêu quốc gia....												
3.2	Chương trình mục tiêu quốc gia....												
3.3													

Ghi chú:

- Số liệu báo cáo của đơn vị được tổng hợp từ tất cả các **dự án đầu tư công** (gồm nhiệm vụ, dự án, dự án thành phần, tiểu dự án hoàn thành có quyết định phê duyệt riêng) có sử dụng **một phần hoặc toàn bộ** vốn ngân sách trung ương hoàn thành do đơn vị mình quản lý. Không tổng hợp báo cáo công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành.

- Ở địa phương, báo cáo gồm tất cả các dự án đầu tư công hoàn thành thuộc thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh (gồm cả dự án nhận bàn giao từ cấp huyện) và cấp xã (gồm cả dự án nhận bàn giao từ cấp huyện). UBND cấp xã tổng hợp toàn bộ dự án đầu tư công hoàn thành do mình quản lý gửi cơ quan giao chủ trì tổng hợp báo cáo do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công.

- Các dự án hoàn thành thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia. Chỉ báo cáo tổng số dự án có sử dụng (**một phần hoặc toàn bộ**) vốn ngân sách trung ương, theo từng Chương trình.

- Cột 3: Các dòng theo số thứ tự I, II, III và 3, 3.1, 3.2, 3.3 ghi tổng số dự án; các dòng theo số thứ tự 1, 2 ghi chi tiết nhóm dự án (quan trọng quốc gia, A, B, C).

- Các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm do đơn vị mình quản lý đến Bộ Tài chính.

- Danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương theo đúng danh mục dự án được cấp thẩm quyền giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 05 năm.

Mẫu số 12/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC
ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CƠ QUAN CHỦ TRÌ THẨM TRA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU GIAO NHẬN
Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

Đại diện bên giao (người được Chủ đầu tư/Ban Quản lý dự án giao nhiệm vụ): ...

Đại diện bên nhận (người được cơ quan chủ trì thẩm tra giao nhiệm vụ):

Tên dự án: ...

Mã dự án: ...

Dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình (nếu có):...

Tổng mức đầu tư, dự toán (công trình, hạng mục công trình) được phê duyệt: ...

Thời gian khởi công: ...

Thời gian hoàn thành: ...

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
I	Hồ sơ đã nộp:		
1	Văn bản đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của chủ đầu tư ngày ... tháng ... năm ...		
2	Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành lập ngày....tháng....năm....., gồm ... mẫu biểu báo cáo theo quy định.		
3	Các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/QTDA (ghi rõ số/ký hiệu nếu để rời, ghi tổng số nếu đóng quyển).		
4	- Tập các hợp đồng; (ghi rõ số/ký hiệu nếu để rời, ghi tổng số nếu đóng quyển). - Biên bản thanh lý hợp đồng (nếu có): ghi rõ của hợp đồng nào?.		
5	Biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng công trình, nghiệm thu lắp đặt thiết bị (ghi rõ số/ký hiệu nếu để rời, ghi tổng số nếu đóng quyển), Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng (nếu có)		
6	Quyết toán A-B, gồm có: -...		
7	- Báo cáo kết quả kiểm toán độc lập (nếu có). - Ý kiến của chủ đầu tư về báo cáo kiểm toán độc lập.		
8	- Kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, điều tra của cơ quan có thẩm quyền, Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước (Trường hợp không có đề nghị ghi rõ). - Báo cáo tình hình chấp hành kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán (nếu trên).		
II	Hồ sơ còn thiếu:		
1			
III	Hồ sơ đề nghị bổ sung:		
1			
Thời hạn hoàn chỉnh hồ sơ nộp trước ngày ... tháng ... năm ...			
Trong quá trình thẩm tra quyết toán, trường hợp phát hiện thiếu hồ sơ hoặc cần bổ sung hồ sơ, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. Thời gian thẩm tra quyết toán được tính từ khi nhận đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu.			

Hai bên thống nhất lập phiếu giao nhận hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành với các nội dung trên đây./.

...., ngàytháng.... năm.....

BÊN NHẬN HỒ SƠ

(Ký, ghi đầy đủ họ tên)

...., ngàytháng.... năm.....

BÊN GIAO HỒ SƠ

(Ký, ghi đầy đủ họ tên)